

# Hệ thống chính sách thực hiện chiến lược công nghiệp

Những ví dụ điển hình trên thế giới về quá trình lập và thực thi chính sách

**Kenichi Ohno**

**Diễn đàn Phát triển Việt Nam (VDF)**

**Viện Quốc gia Sau đại học về Nghiên cứu Chính sách (GRIPS)**

**Tháng 2/2011**

# Những vấn đề pháp luật trong hoạch định CSCN Việt Nam

---

## 1. Thiếu cấu trúc chính sách chặt chẽ

Công nghiệp hóa & hiện đại hóa – phải được cụ thể hóa  
SEDP, SEDS – tổng quát, quá nhiều mục tiêu

Quy hoạch tổng thể toàn ngành công nghiệp – chưa có  
Quy hoạch ngành – điện tử, ô tô, xe máy, v.v. không  
được thực thi hiệu quả

## 2. Phối hợp giữa các bộ kém – ngân sách, nhân lực, khung pháp lý, v.v. cần thiết cho việc thực hiện không được cung cấp đầy đủ

## 3. Thiếu sự tham gia của các bên liên quan – doanh nghiệp không hưởng ứng việc thực hiện

# Các yếu tố cần thiết thực hiện chính sách thành công

---

1. Lãnh đạo
  2. Cuộc vận động quốc gia nhằm thay đổi cách nghĩ
  3. Biện pháp chính sách
  4. Các bước lập và tổ chức chính sách
  5. Cấu trúc chính sách - tầm nhìn, chiến lược, hành động, giám sát
- Tất cả những yếu tố này đều có thể học hỏi được nhờ nghiên cứu một cách hệ thống các ví dụ điển hình trên thế giới

# H c h i t các n c khác

---

- ❑ KHÔNG sao chép chính sách đã áp dụng ở nước khác vào Việt Nam mà không tính đến bối cảnh trong nước. Cần tránh sao chép tùy tiện, phi thể thức.
- ❑ Không nên cho rằng “nước tôi là trường hợp đặc biệt” không thể học hỏi từ các nước khác.
- ❑ Học **cách nghĩ** và **phương pháp luận** để xây dựng chiến lược công nghiệp một cách hiệu quả. Học *làm thế nào để hoạch định chính sách*.
- ❑ Các nước đi trước đã thành công (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...) phải tự xoay sở bằng nỗ lực của chính mình qua những lần thử nghiệm và thất bại. Đối với những nước đi sau, học hỏi một cách hệ thống là điều cần thiết.

# H c h i chính sách m t cách h th ng

---

Nhằm nâng cao năng lực chính sách của Việt Nam

- **Biện pháp chính sách** – các nước khác *làm gì*: thu thập và phân tích những ví dụ điển hình về các biện pháp đã đề xuất (tài chính SME, quản lý khu công nghiệp, kết nối TVET-doanh nghiệp...)
- **Các bước lập và tổ chức chính sách** – các nước khác đã lập và thực hiện chính sách *như thế nào*.
- Nâng cao **năng lực xây dựng gói chính sách** phù hợp với Việt Nam dùng các mô hình của nước ngoài làm môđun chuẩn - cần có sự lựa chọn và điều chỉnh
- **Phạm vi chính sách** cần được mở rộng thành quá trình học hỏi chính sách - từ đơn giản đến phức tạp hơn

# 1. Lãnh đạo

---

- ❑ Không thể xem nhẹ tầm quan trọng của chất lượng lãnh đạo. Người đứng đầu quốc gia là động lực chính của công nghiệp hoá.
- ❑ Việt Nam do một đảng cầm quyền và lãnh đạo tập thể. Điều này đảm bảo sự ổn định nhưng khó tạo ra cải cách mạnh mẽ và hành động mau lẹ.
- ❑ Cửa sổ cơ hội – khi thành lập chính phủ mới, những người đứng đầu cần tuyên bố tầm nhìn và chiến lược mới đến năm 2020 và vượt qua bẫy thu nhập trung bình.

## 2. Cuộc vận động quốc gia nhằm thay đổi cách nghĩ

---

- Nhiều quốc gia đang phát triển vẫn phải sự hưởng ứng kém nhiệt tình của khu vực tư nhân
  - Doanh nghiệp quá thụ động, chờ khách hàng tìm đến hoặc hỗ trợ chính thức
  - Cộng nhân không học hỏi kỹ năng, tình trạng nhảy việc diễn ra tràn lan
  - Thích đầu cơ ngắn hạn hơn là đầu tư dài hạn vào công nghệ sản xuất chế tạo
- Nếu cách nghĩ không tự thay đổi, chính quyền phải buộc thay đổi từ trên xuống cho tới khi cách nghĩ mới trở thành một nét văn hoá dân tộc
- Cuộc vận động ép buộc như con dao hai lưỡi. Một số nước thành công vượt bậc, một số khác lại thất bại. Cần xây dựng cuộc vận động một cách cẩn trọng và hiểu biết.

# Những ví dụ về các vận động quốc gia

---

- ❑ Cuộc vận động Nâng cao đời sống nông thôn của Nhật Bản (1948-)
- ❑ Cuộc vận động năng suất/kaizen của Nhật Bản (những năm 1950)
- ❑ Cuộc vận động Saemaul của Hàn Quốc (những năm 1970)
- ❑ Cuộc vận động năng suất của Singapore (những năm 1980) với sự hỗ trợ của Nhật Bản
- ❑ Chính sách Hường Đông của Malaysia (học tập Nhật Bản và Hàn Quốc, những năm 1980)
- ❑ Cuộc vận động năng suất của Botswana (Những năm 1990-), với sự hỗ trợ của Singapore
- ❑ Đợt phát động ITC của Rwanda (những năm 2000)



# Những ưu tiên quốc gia để gia thành công

---

Cuộc vận động quốc gia không chỉ là một vài dự án; mà là một nỗ lực toàn diện với niềm say mê mạnh mẽ và cam kết sâu sắc, liên quan đến tất cả mọi người từ lãnh đạo cấp cao đến dân thường và phải mất ít nhất một thập kỷ để hoàn thành.

- ❑ Cam kết cá nhân mạnh mẽ của lãnh đạo cấp cao
- ❑ Chỉ đạo từ trên xuống đảm bảo sự tham gia của toàn dân
- ❑ Ưu đãi và phần thưởng dựa trên kết quả đạt được
- ❑ Cơ quan và cơ chế hỗ trợ ở cấp trung ương và địa phương
- ❑ Các chương trình đào tạo được uỷ quyền và chuẩn hoá dành cho các cán bộ, lãnh đạo và những người có liên quan
- ❑ Triển khai trong dài hạn cần lưu ý đến sự tiến triển của cuộc vận động (từ nhà nước dẫn dắt sang thị trường điều tiết)

# Ví dụ : Cuộc vận động nâng suất của Singapore



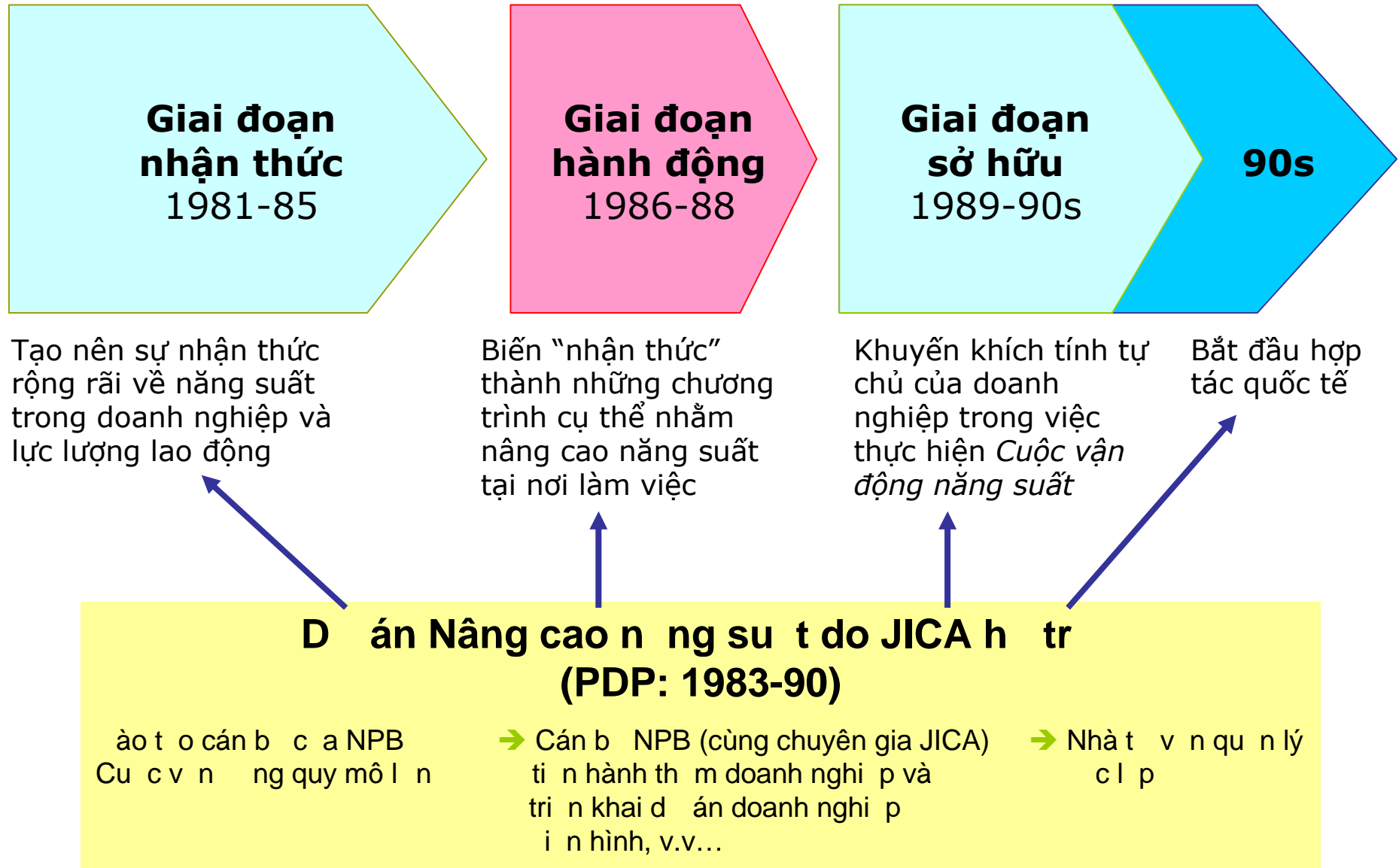
- ❑ 1979: TTg Lý Quang Diệu tuyên bố “công nhân của chúng ta không tự hào và không có kỹ năng trong công việc bằng công nhân Nhật Bản hay Đức.”
- ❑ 1981: Lý Quang Diệu nghiên cứu thực tiễn của Nhật Bản và đề nghị Trung tâm Năng suất Nhật Bản hợp tác.
- ❑ 1981-1987: Tháng 11 được gọi là Tháng Năng suất; Lý Quang Diệu hàng năm đều có bài phát biểu về năng suất.
- ❑ Những yếu tố tích cực của Singapore
  - Cam kết cá nhân mạnh mẽ của Thủ tướng
  - Một loạt chiến dịch nhằm nâng cao nhận thức
  - Hợp tác ba bên giữa chính phủ, ngành công nghiệp và công đoàn
  - Hỗ trợ của JICA từ năm 1983-1990
  - Đào tạo được đội ngũ tư vấn độc lập thông qua các khoá đào tạo của JICA và hình thành hệ thống tư vấn và ưu đãi phù hợp

# Singapore:

## Quá trình phát triển của các tổ chức ngân suất

Thời gian	Tổ chức	Ghi chú
1964	<b>C</b> quan n  ng su t, y ban Phát tri n Kinh t (EDB)	<b>1965:</b> i u l v Phát tri n công nghi p, B lu t v N  ng su t
1967-72	<b>Trung tâm N  ng su t Qu c gia</b> - C  quan c l p tr c thu c EDB	<b>1971:</b> y ban lâm th i ba bên (trù b cho NPB)
1972-95	<b>y ban N  ng su t Qu c gia (NPB)</b> - C  quan pháp nh, ban u thu c B Lao  ng, sau thu c B Công th  ng (MTI)	<b>1973:</b> Thành l p Hi p h i N  ng su t Singapore (SPA). <b>1981:</b> Phát  ng <i>Cu c v n  ng N  ng su t</i>
1996-01	<b>y ban Tiêu chu n N  ng su t (PSB)</b> - C  quan pháp nh, thu c MTI	
2002-nay	<b>y ban Tiêu chu n, N  ng su t và i m i (SPRING)</b> - C  quan pháp nh, thu c MTI	

# Singapore: Cuộc vận động nâng năng suất 1981-1990s



# Giai đoạn nhàn rỗi: 1981-85



- Trọng tâm
  - Thái độ làm việc tích cực
  - Hoạt động nhóm
  - Ghi nhận doanh nghiệp và cá nhân
- Những biện pháp thực hiện
  - Giáo dục cộng đồng – các khẩu hiệu và áp phích của cuộc vận động
    - ***"Chúng ta cùng nhau làm việc tốt hơn"***
  - Phổ biến thông tin và đào tạo
  - Tư vấn về lao động và quản lý
  - Nâng cao năng suất ở khu vực công

# Giai đoạn hành động: 1986-88

---

- Trọng tâm:
  - Nâng cao kỹ năng cho nhà quản lý và công nhân
  - Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
- Các biện pháp thực hiện
  - Dự án doanh nghiệp điển hình – phối hợp thực hiện giữa cán bộ của NPB và chuyên gia JICA
  - Chương trình tham chiếu tư vấn quản lý, chương trình hội tư vấn – huy động các nhà tư vấn độc lập đã tham gia khóa đào tạo PDP do JICA hỗ trợ
  - Chương trình hỗ trợ tư vấn theo ngành công nghiệp
  - Đào tạo lực lượng lao động (qua Quỹ Phát triển Kỹ năng)
  - Phối hợp với các Chương trình Đào tạo Quốc gia khác

Nguồn: Thông tin do ông Lo Hock Meng cung cấp trong buổi làm việc với đoàn công tác GRIPS ngày 2/9/2010

# Giai đoạn h u: 1989-90s

---

- Trọng tâm
  - Tự lực thực hiện *Cuộc vận động Năng suất*
- Biện pháp thực hiện
  - Khu vực tư nhân phát động các chiến dịch năng suất hàng năm
  - Giải thưởng Chất lượng Singapore
  - Khởi động Chương trình Các nhà hoạt động năng suất (1996)
- Hợp tác quốc tế
  - Singapore bắt đầu hỗ trợ các nước khác về năng suất (các chương trình sử dụng ODA hoặc tính phí: ASEAN, Botswana, Rwanda, Nam Phi...)

Nguồn: Thông tin do ông Lo Hock Meng cung cấp trong buổi làm việc với đoàn công tác GRIPS ngày 2/9/2010

### 3. Các biện pháp chính sách

---

- Trong thời đại của chúng ta, không gian dành cho chính sách của các nước đi sau bị thu hẹp nhiều so với những năm 1960-70 (thuế nhập khẩu, trợ cấp xuất khẩu không được phép áp dụng). Nhưng vẫn còn nhiều chính sách khác có thể áp dụng mà không vi phạm WTO, FTA, EPA...
- Các nước láng giềng Đông Á đã sử dụng những chính sách như vậy ("chính sách công nghiệp tiên phong"). Nghiên cứu những chính sách này làm nguồn tư liệu phục vụ việc xây dựng gói chính sách cho riêng Việt Nam.
- Danh mục chính sách công nghiệp tổng thể của các nước về cơ bản là giống nhau. Thành công hay thất bại phụ thuộc vào *tính cụ thể* (mỗi chính sách được thực hiện như thế nào) hơn là vào sự khác biệt trong danh mục chính sách.



# Chính sách công nghiệp tiên phong: 7 nguyên tắc cơ bản

---

1. Cam kết mạnh mẽ với hội nhập toàn cầu và tăng trưởng do khu vực tư nhân đóng vai trò chủ đạo
2. Chính phủ thông thái và mạnh mẽ chỉ đạo khu vực tư nhân
3. Đảm bảo đủ công cụ chính sách cho các nước công nghiệp hóa đi sau
4. Không ngừng học hỏi chính sách thông qua các dự án và chương trình cụ thể
5. Tiếp thu tri thức, kỹ năng và công nghệ phải được xem là một mục tiêu quốc gia
6. Cộng tác công – tư hiệu quả
7. Thu thập và chia sẻ đầy đủ thông tin về công nghiệp giữa chính phủ và giới doanh nghiệp

# Danh mục chính sách chủ yếu ở Đông Á

---

- ❑ *Kaizen* (các công cụ nâng cao năng suất tại nhà máy)
- ❑ *Shindan* (hệ thống nhà tư vấn quản lý SME)
- ❑ Các trường đại học kỹ thuật (King Mongkut ITK, Nanyang Polytechnic, Viện Công nghệ Thái – Nhật...)
- ❑ Kết nối doanh nghiệp-TVET (Singapore, Thái Lan...)
- ❑ Tài chính SME (vay hai bước, bảo lãnh tín dụng...)
- ❑ Xúc tiến xuất khẩu tích hợp (Hàn Quốc)
- ❑ Phát triển khu công nghiệp (Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Singapore...)
- ❑ Marketing FDI chiến lược (BOI Thái Lan, MIDA Malaysia, Penang, Singapore)
- ❑ Xúc tiến công nghiệp hỗ trợ (linh phụ kiện, ô tô Thái Lan)

# Danh mục chính sách chủ yếu nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp và nguồn nhân lực công nghiệp

Mục tiêu chính	Giới pháp chính
(1) Khung pháp lý và chính sách	Luật và các quy định
	Các Bộ và các cơ quan chuyên trách và xúc tiến SMEs, FDI, SI, v.v. có năng lực và quy định
	Danh mục các lĩnh vực và hoạt động ưu tiên dựa trên các kết quả nghiên cứu
	Chính phủ hỗ trợ các bộ
	hệ thống công nghiệp (PPP)
	Chính liên kết doanh nghiệp-chính phủ-học giả
	Tầm nhìn và nhiệm vụ (mục tiêu dài hạn)
	Quy hoạch tổng thể (chiến lược, trình trung hạn)
	Khoạch hành lang (ngân sách, nhân sự, tiêu chí, thể hiện, cơ quan chuyên trách)
	Tiêu chuẩn chất lượng, kỹ năng, môi trường, v.v...
	Chính sách và sự đồng quy nhất ưu tiên
	Nâng cao năng lực thế giới công nghiệp
Huy động có tính chiến lược tác động	
(2) Xây dựng năng lực trong nước (nguồn nhân lực công nghiệp và doanh nghiệp trong nước)	Các trung tâm công nghệ và kỹ thuật, các trung tâm công nghệ công nghiệp
	Các khóa đào tạo ngắn hạn dành cho các doanh nghiệp
	Các khóa đào tạo ngắn hạn về các kỹ năng cơ bản dành cho kỹ sư
	Đào tạo kỹ thuật và kỹ năng cho công nhân mìn và công nhân ngành làm việc
	Hệ thống chấp nhận kỹ năng, thi tay nghề và giải thưởng
	Trung tâm và ủy ban cho các hoạt động mục tiêu
	Địch vụ tư vấn quản lý học kỹ thuật (nhà tư vấn nhóm doanh nghiệp, ngành)
	Hệ thống chuyển đổi và tư vấn doanh nghiệp (hệ thống shindan hoặc dịch vụ nâng cấp và mở rộng công nghệ) - cơ quan liên quan tài chính SME
	Mạng lưới doanh nghiệp trong nước

# (Tiếp)

(3) Tài chính	Tích cực tài chính phát triển
	Vận vay ngân hàng thông minh dành cho các doanh nghiệp mục tiêu có hình thức lãi suất và/hoặc kỳ hạn thanh toán dài
	Cho thuê vận hành
	Hỗ trợ ngân bộ lãnh tín dụng
	Vận mô hình
	Hỗ trợ thông tin tín dụng doanh nghiệp
	Hỗ trợ chuyển đổi và vận hành doanh nghiệp (giáo trình mục (2))
(4) Marketing FDI	Danh mục ưu tiên và ưu đãi xuất
	Hội thảo và đoàn công tác xuất
	Gói thông tin và trang web chính thức cao dành cho các nhà xuất
	Lập các vận phòng xúc tiến xuất khẩu ngoài
	Dịch vụ mặt trước và hỗ trợ doanh nghiệp (trước và sau)
	Môi trường kinh doanh hấp dẫn thông qua nâng cấp chính thức dịch vụ cơ sở hạ tầng (năng lượng, giao thông, nước, v.v...)
	Quản lý môi trường và các phòng ngừa quản lý (bao gồm xử lý nước thải)
	Thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ cơ sở hạ tầng và hành chính hoàn thiện (bao gồm các khu công nghiệp chuyên biệt, khu công nghiệp dành cho CNHT, v.v...)
	Hỗ trợ lao động (ào tạo, tuyển dụng và giới thiệu việc làm, nhà ở/khu nhà tạm thời, phòng ngừa tin giao thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, v.v...)
	Hỗ trợ chi nhánh marketing FDI ưu tiên và mục tiêu
	Tham phán với các doanh nghiệp mục tiêu (doanh nghiệp mục tiêu) và cung cấp các điều kiện thuận lợi
(5) Kết nối (hỗ trợ qua quá trình làm việc với các doanh nghiệp toàn cầu; phát triển thị trường)	Hỗ trợ thông minh và hỗ trợ ngân sách
	Cơ sở dữ liệu về SME/SI/ngành công nghiệp
	Trung gian chính thức và phát triển thị trường
	Ưu đãi/trợ cấp cho thu mua trong nước và kết nối kinh doanh
	Hỗ trợ phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu
Thành lập và nâng cao vai trò của các hiệp hội ngành nghề	

## 4. Các bước chính sách

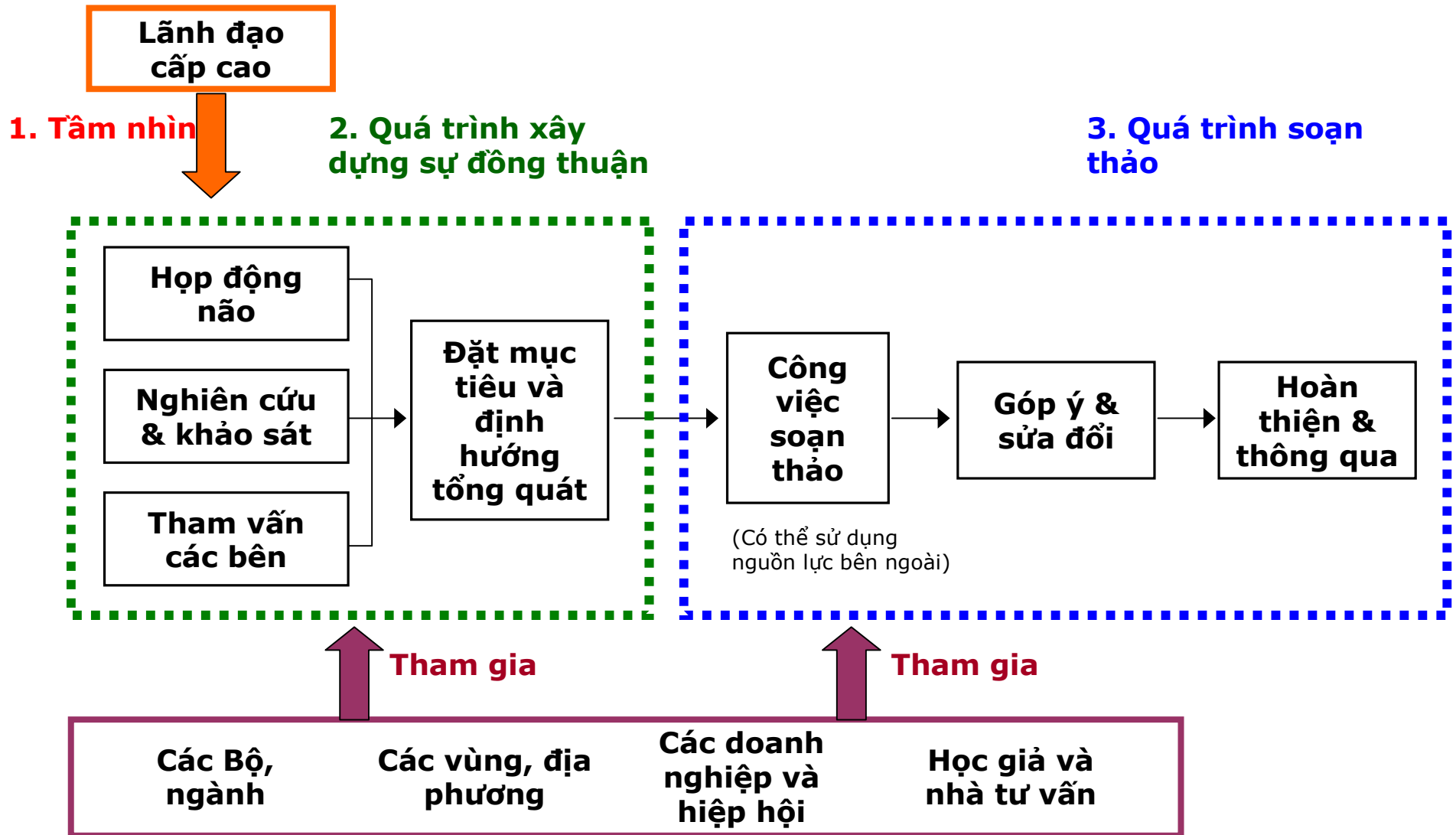
---

Các bước cần thiết:

1. Tầm nhìn rõ ràng do lãnh đạo cấp cao đưa ra
2. Xây dựng sự đồng lòng, nhất trí (đặt ra những mục tiêu, định hướng chung)
  - Hợp động não giữa các bộ, cơ quan có liên quan
  - Thu thập và phân tích ví dụ điển hình trên thế giới
  - Trao đổi với các tổ chức phi chính phủ có liên quan
3. Soạn thảo
  - Người soạn thảo có thể là công chức, học giả, hoặc nhà tư vấn
  - Đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan trong quá trình soạn thảo và đóng góp ý kiến

Việt Nam còn yếu ở tất cả các bước

# Các bước lập chính sách chuẩn



Ghi chú: Toàn bộ quá trình do một bộ hoặc một cơ quan quản lý và điều phối

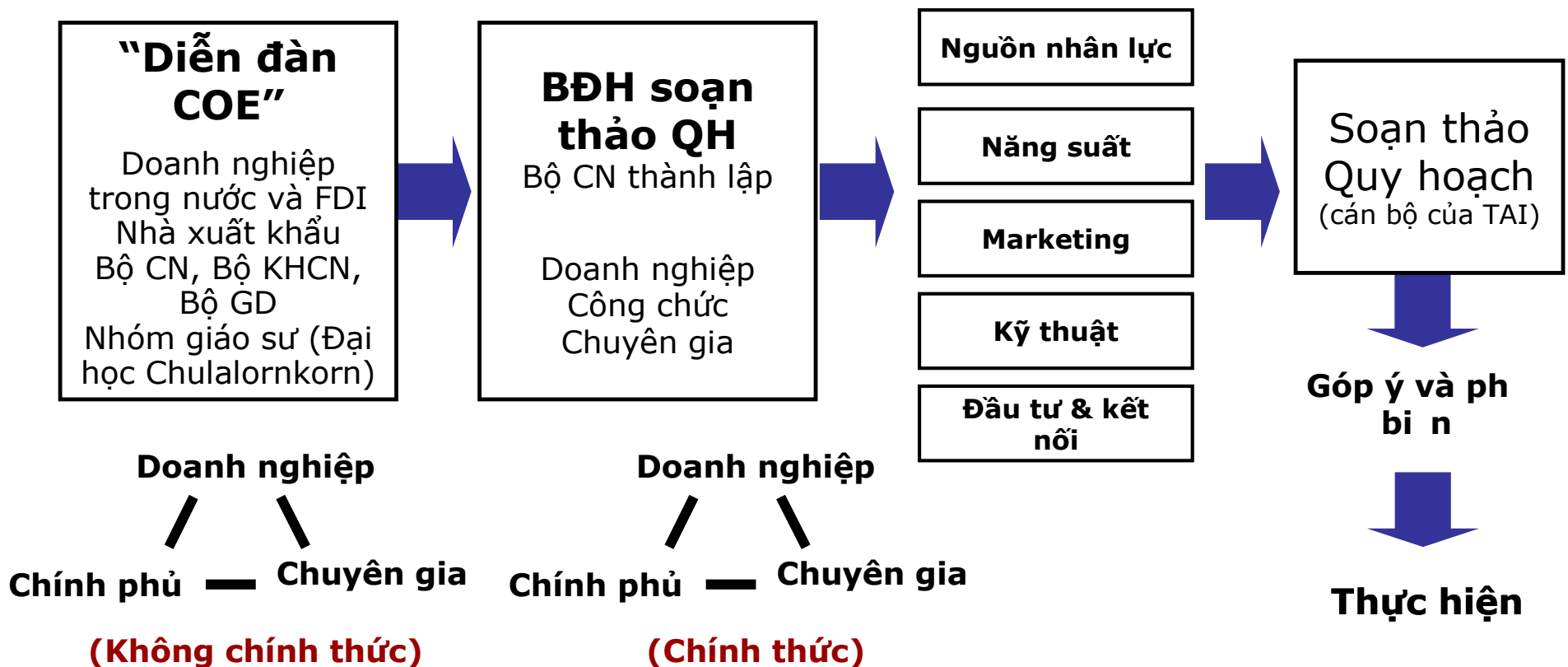
# Thái Lan: Quy hoạch công nghiệp ô tô 2007-2011

- Toàn bộ quá trình (khoảng 1 năm) do Viện Ô tô Thái Lan (TAI) quản lý
- Mục tiêu do các doanh nghiệp tư nhân đặt ra, bản Quy hoạch cuối cùng không cần chính phủ thông qua

Hợp đồng; tham gia  
nhập khẩu và  
phân phối

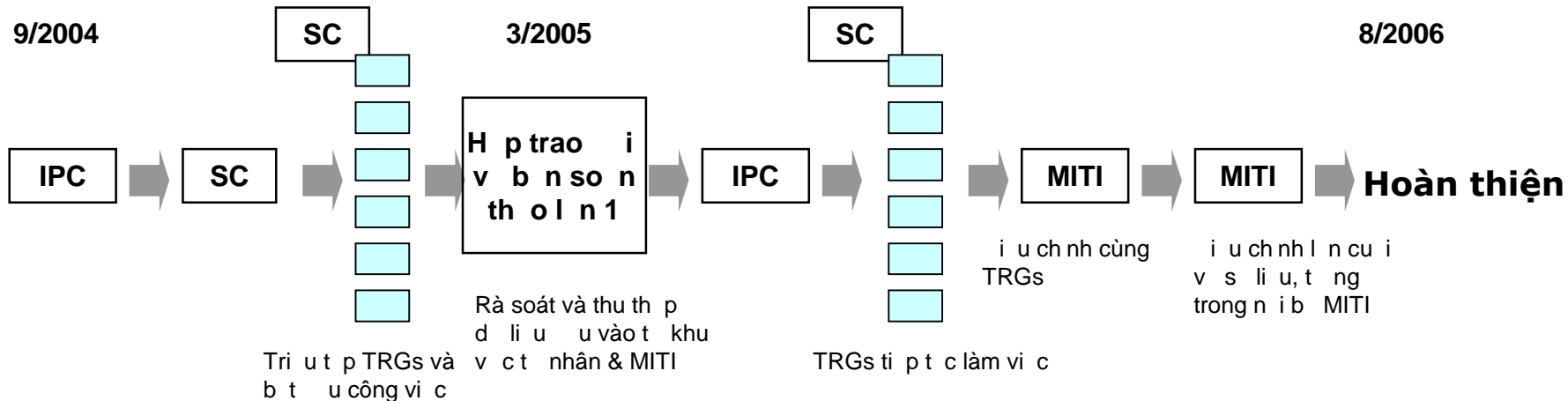
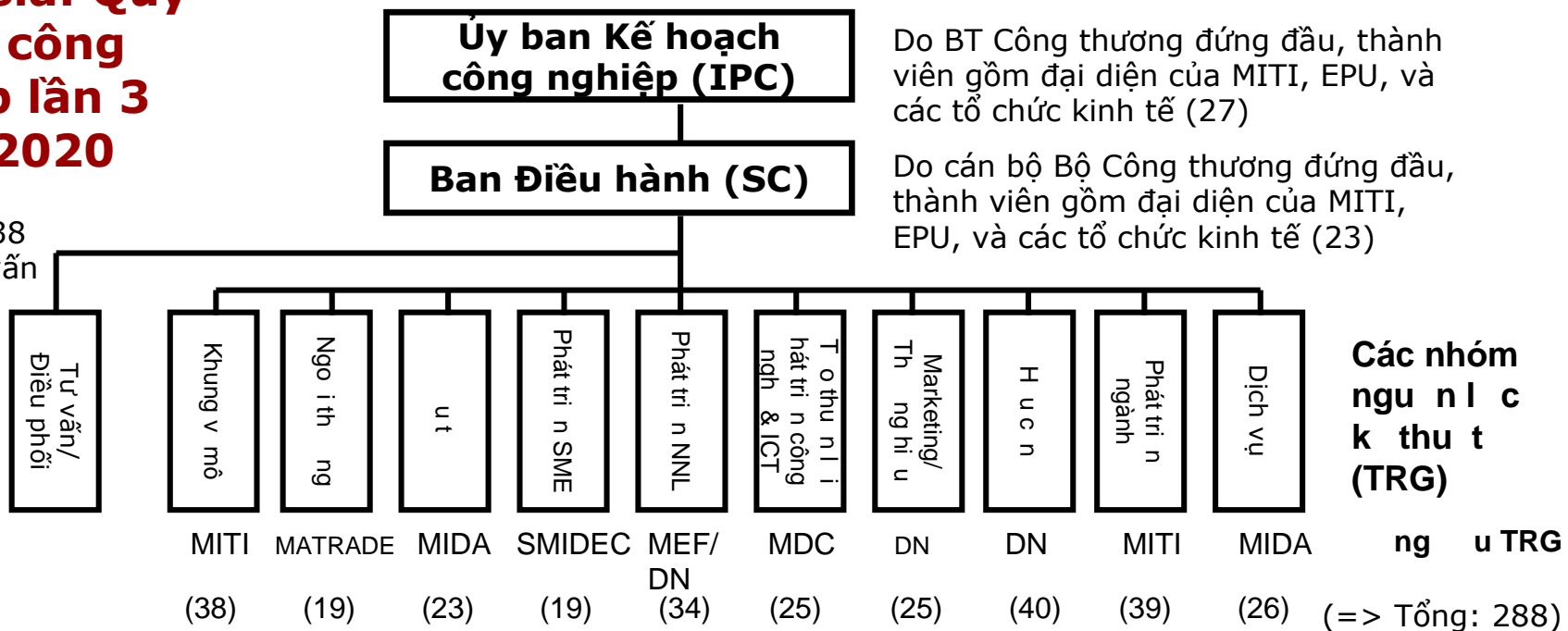
Thành lập Ban soạn  
thảo Quy hoạch

Các tiểu ban nghiên cứu  
xác định các  
vấn đề



# Malaysia: Quy hoạch công nghiệp lần 3 2006-2020

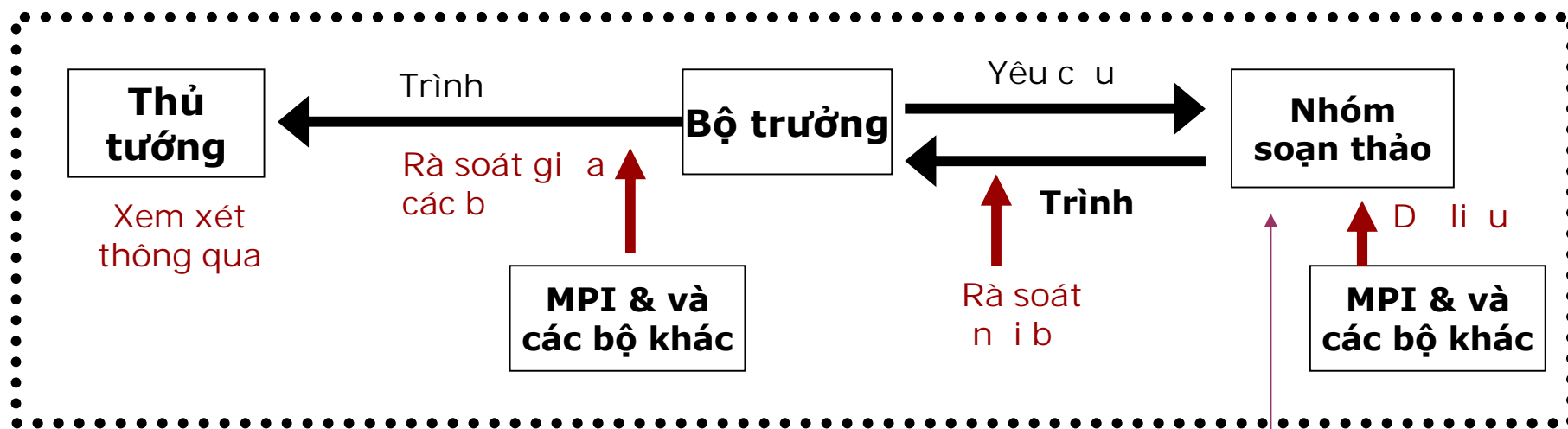
Tổng số 338 + nhà tư vấn



Ng u n: Trang web c a MITI và oàn công tác VDF t i Kuala Lumpur, 1/2006  
Ghi chú: Các s trong ngo c n ch s thành viên c a m i y ban ho c nhóm.



# Viet Nam: Quy trình soạn thảo Quy hoạch truyền thông



## Chính phủ

Gửi thỉnh nguyện thư  
Thỉnh nguyện khi có vấn đề xảy ra

Liên lạc với Bộ  
khi cần thiết

Hội thảo, tọa đàm  
thu thập ý kiến (đôi khi)

Hỗ trợ kỹ thuật  
(đôi khi)

Chuyên gia  
ngoài nước

Cộng đồng  
doanh nghiệp

Không có kênh chính thức cho  
đề xuất chính sách truyền thông  
xuyên (tư vấn, hợp tác, nhất trí, phi chính thức)

# Sai sót phổ biến

---

Những yếu tố cản trở việc học hỏi chính sách

1. Thiếu tầm nhìn và định hướng rõ ràng từ lãnh đạo cấp cao
2. Việc lập chính sách chỉ do một nhóm cán bộ thực hiện mà không có sự tham gia của các bên liên quan
3. Giao phó toàn bộ việc soạn thảo chính sách cho học giả hoặc nhà tư vấn bên ngoài, các nhà lập chính sách chỉ góp ý và điều chỉnh
4. Việc thu thập ý kiến từ các bộ đưa lên khiến các chương không có tính liên kết và có quá nhiều ưu tiên

Việt Nam – điểm 1, 2, 4 cần được cải thiện

## 5. Tổ chức chính sách

---

Sắp xếp về mặt tổ chức như thế nào để có thể đảm bảo thực hiện được các bước lập chính sách nêu trên? Có một vài mô hình để lựa chọn:

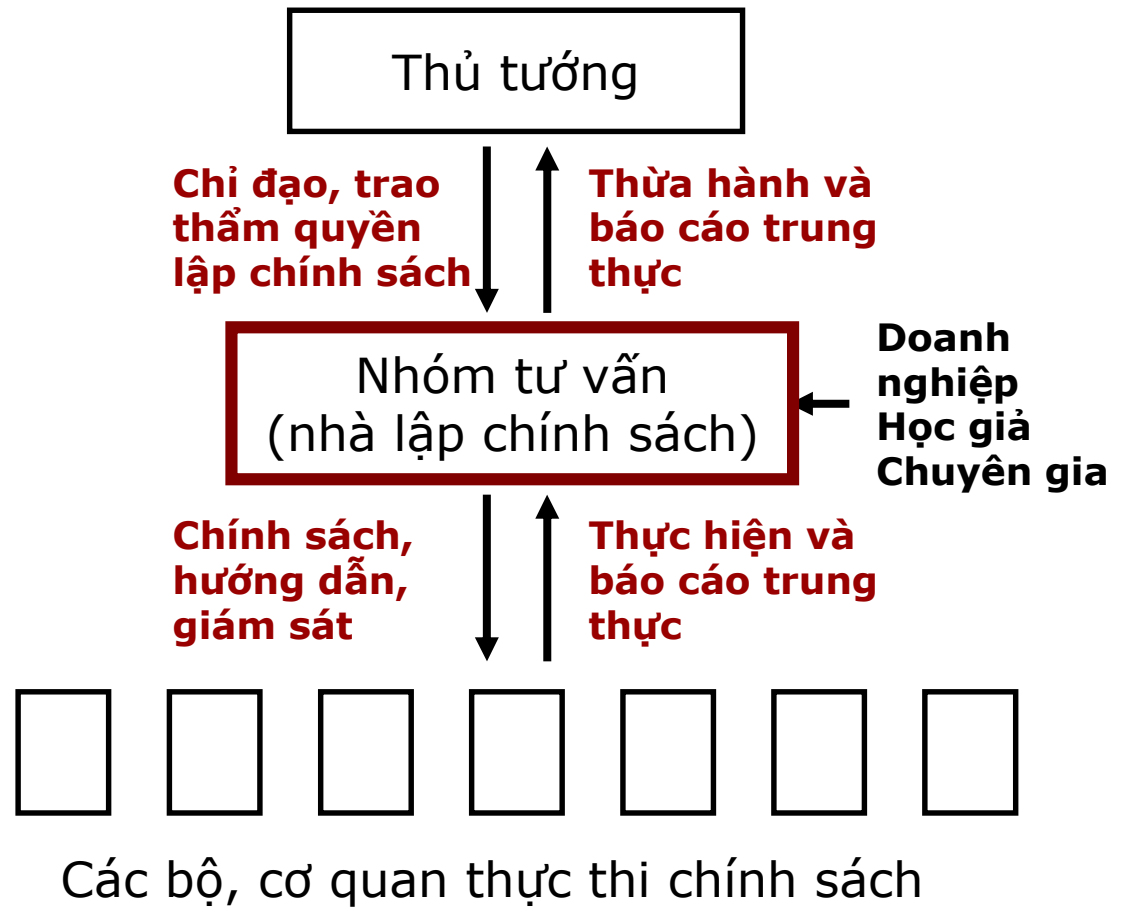
- Nhóm tư vấn do TTg hoặc Tổng thống trực tiếp chỉ đạo
- Hội đồng hoặc Ủy ban Quốc gia
- Siêu bộ
- Cơ quan chuyên ngành đóng vai trò đầu mối
- Một nhà lãnh đạo đủ mạnh không cần thể chế hóa

Các cách tiếp cận này không loại trừ lẫn nhau. Đối với Việt Nam, tôi đề xuất cách tiếp cận thứ hai.

# Ti p c n theo Nhóm t v n

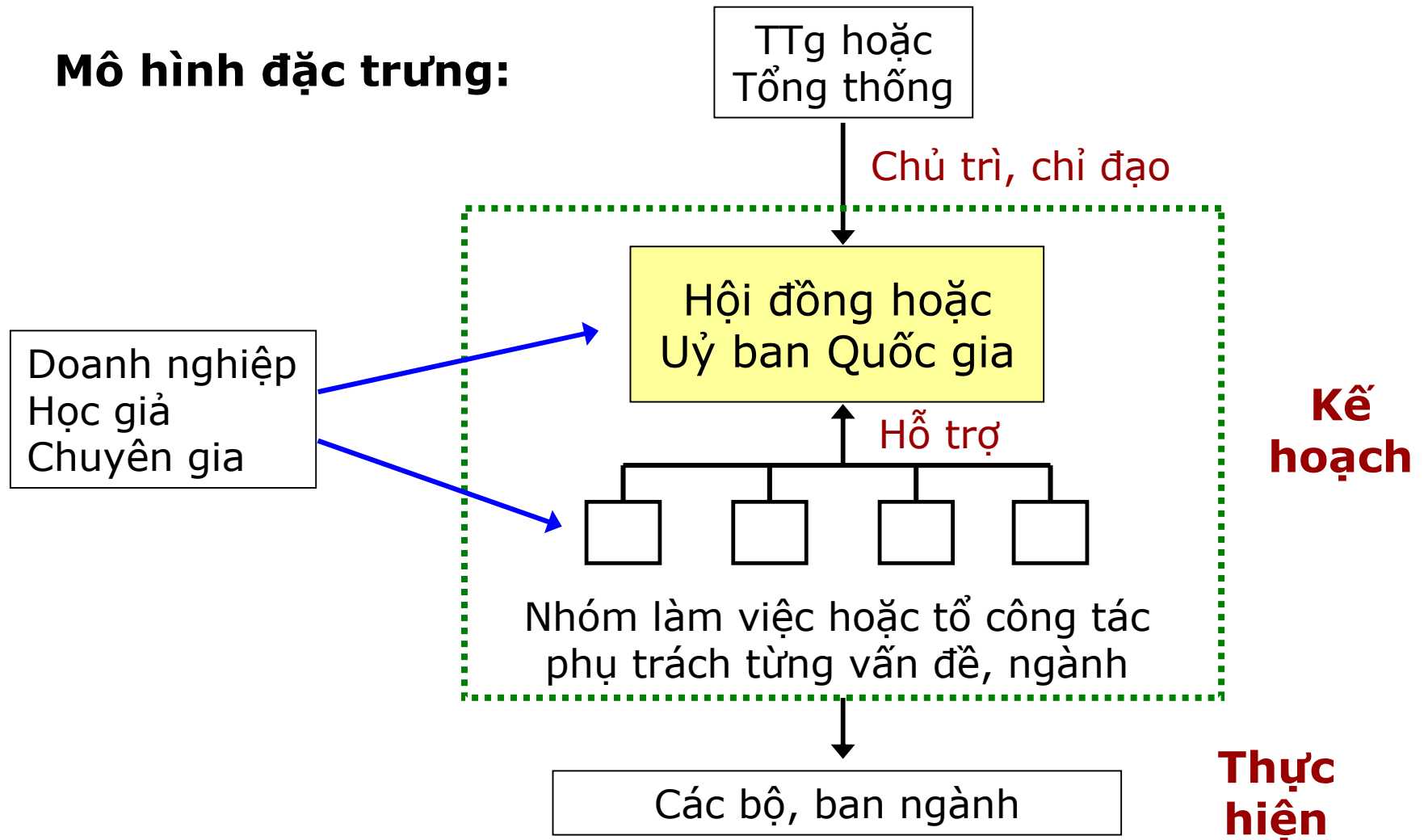
- Nhóm tư vấn ưu tú được lãnh đạo cấp cao trao thẩm quyền lập kế hoạch
- Thành viên là những công chức, lãnh đạo doanh nghiệp và chuyên gia được đào tạo tốt và giàu kinh nghiệm

Hàn Quốc – UB Kế hoạch Kinh tế  
Malaysia – Ban Kế hoạch kinh tế  
Thái Lan – NESBD  
Đài Loan – Các nhà ưu tú Quốc Dân Đảng  
Indonesia – “Mafia Berkeley”  
Chi-lê – “Những cậu bé Chicago”



# Ti p c n theo H i ng/ y ban Qu c gia

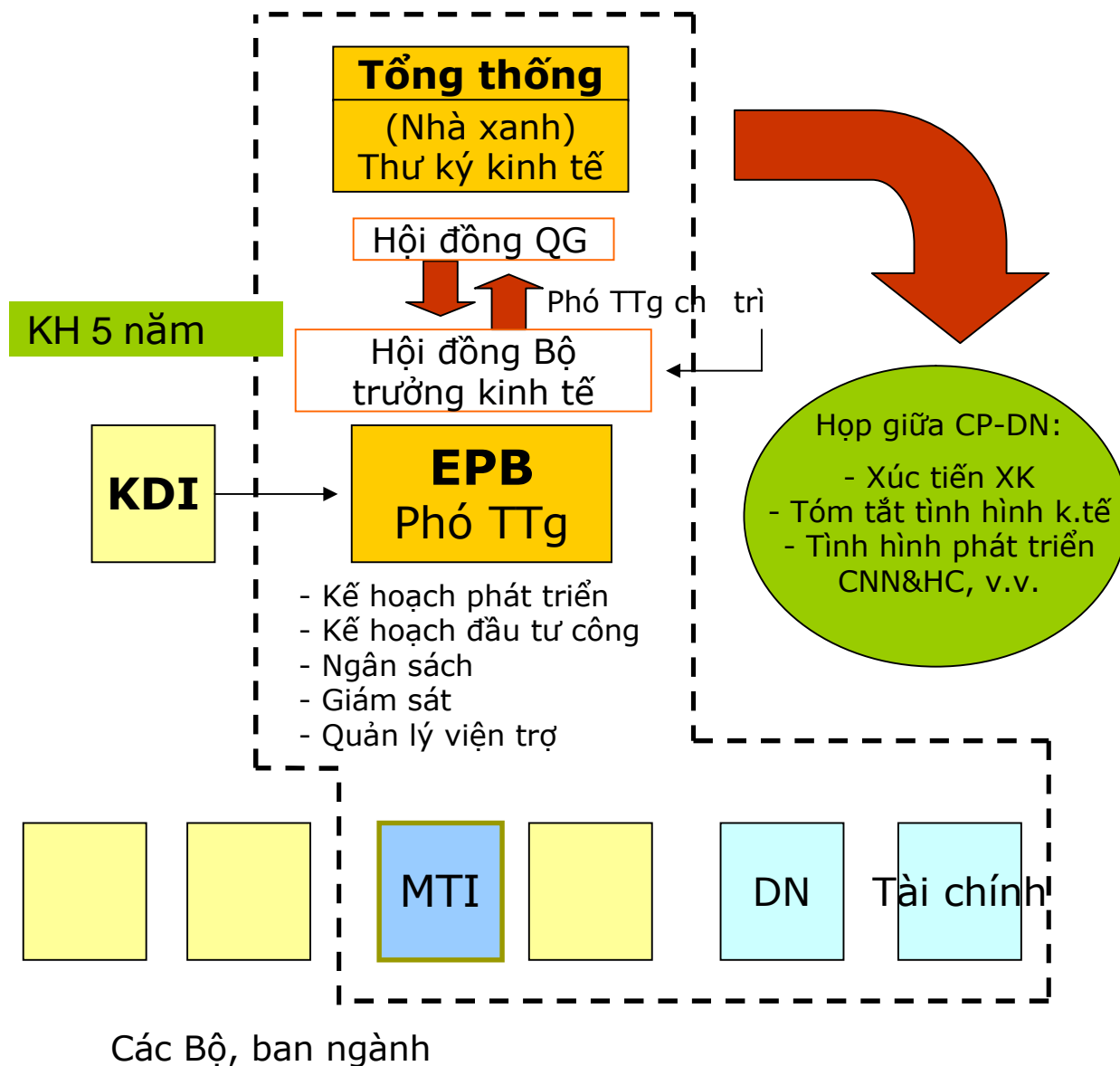
**Mô hình đặc trưng:**



# So sánh hai cách tiếp cận

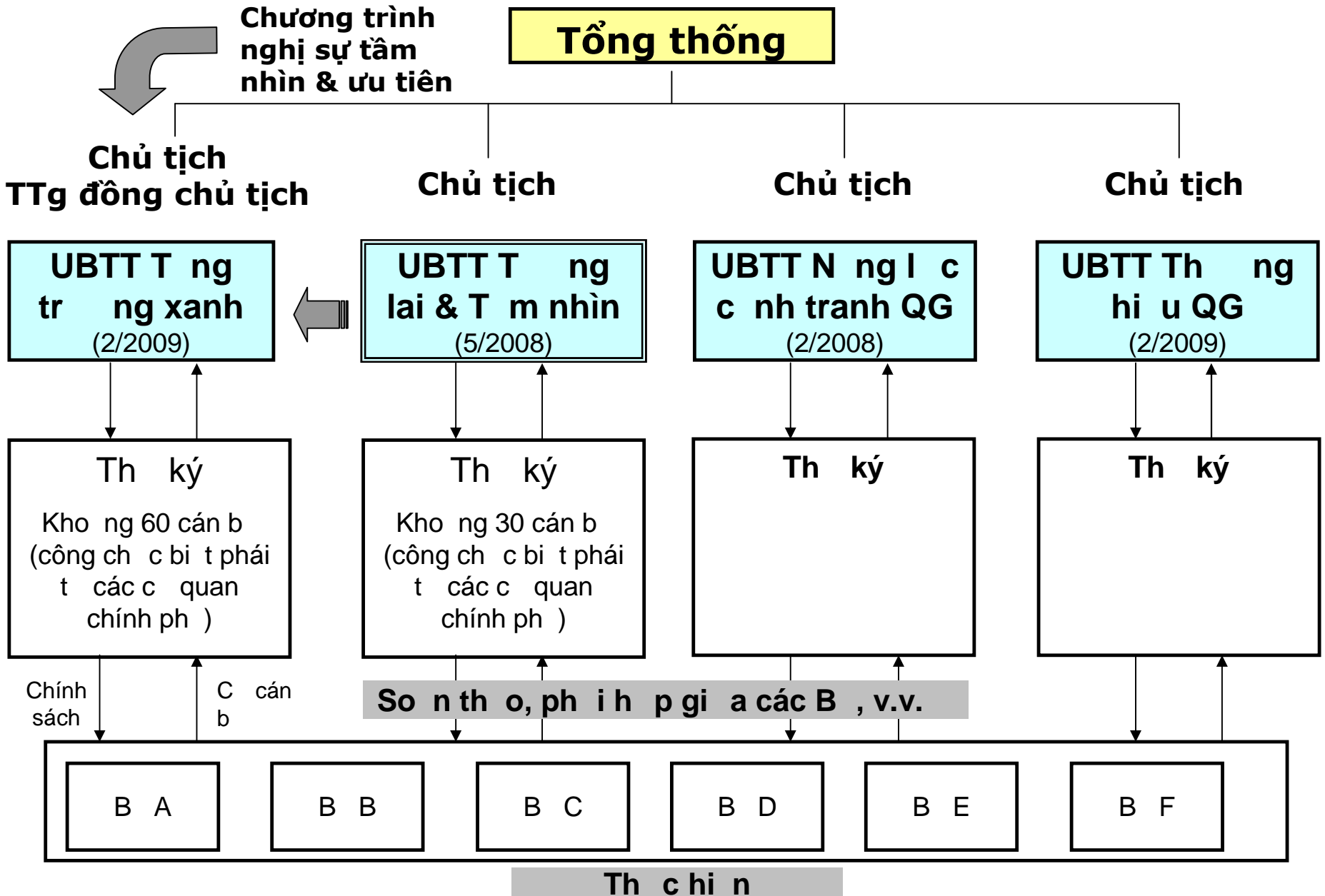
	Nhóm tổ chức quản lý đặc biệt	Hội đồng/Ủy ban Quốc gia
Số lượng	Chỉ có một	Một số
Nhiệm vụ	Đa nhiệm vụ	Một nhiệm vụ
Thời hạn	Bán thường trực (Chỉ khi hết hạn này không còn nhiệm kỳ tiếp theo)	Lâu dài (Chỉ khi hoàn thành nhiệm vụ mới giao)
Quan hệ với các Bộ	Chỉ quan liêu kiểm soát trên các bộ; các bộ là cơ quan thực thi	Đề xuất và các cán bộ tham gia lập chính sách với cách thành viên
Trên hợp tác của Việt Nam	Trực tiếp, Ban Nghiên cứu của Thủ tướng chỉ có vai trò tư vấn, không có thẩm quyền hoạch định chính sách	Có quá nhiều ủy ban. Chỉ có sự lựa chọn và hành động theo hành lang có tính chỉ định

# Hàn Quốc 1960s-70s: UB Kế hoạch kinh tế



- Tổng thống trực tiếp điều hành chính sách kinh tế
- EPB là cơ quan siêu bộ
- Cơ quan nghiên cứu (KDI, v.v.) tiến hành nghiên cứu phục vụ các chính sách kinh tế MLT
- CP-DN: quan hệ chặt chẽ và hợp tác
- Thưởng, phạt dựa vào kết quả thực hiện

# Hàn Quốc ngày nay: Các Ủy ban Thường trực





# Singapore ngày nay: t phát ng m i v n ng su t

**Ủy ban Chiến lược kinh tế: Báo cáo**

**Ủy ban Quốc gia về Năng suất và Giáo dục liên tục (NPCEC)**

Rà soát và trình



Xem xét, rà soát và thông qua

**Tổng cục về Năng suất và Giáo dục liên tục (WCPCE)**

Phó TTg làm Chủ tịch

Thành viên gồm i di n các b , ban ngành, doanh nghiệp, công oàn

ng th ký: MTI, MOM

(b tr ng)

MTI, MOM (c p PS) ng u

i u ph i gi a các c quan

“L trình N ng su t” ngành trong 10 n m t i

So n th o & xu t



Xem xét c n th n

**Ủy ban tài chính**

Qu N ng su t QG

Tín d ng N ng su t & i m i

Qu PT k n ng Qu GD, h c t p c i

**Nhóm làm việc theo ngành (12 ngành ưu tiên)**

<u>Xây dựng</u> BCA Công oàn Công nghi p	<u>Internet</u> EDB Công oàn Công nghi p	<u>C.khí c.xác</u> EDB Công oàn Công nghi p	<u>C.khí g.thông</u> EDB Công oàn Công nghi p	<u>Ch t o</u> SPRING Công oàn Công nghi p	<u>F &amp; B</u> SPRING Công oàn Công nghi p	<u>Bán l</u> SPRING Công oàn Công nghi p		
---	---	--	--	--	---	---	--	--

**Nh ng v n chung**

Công nhân l ng th p

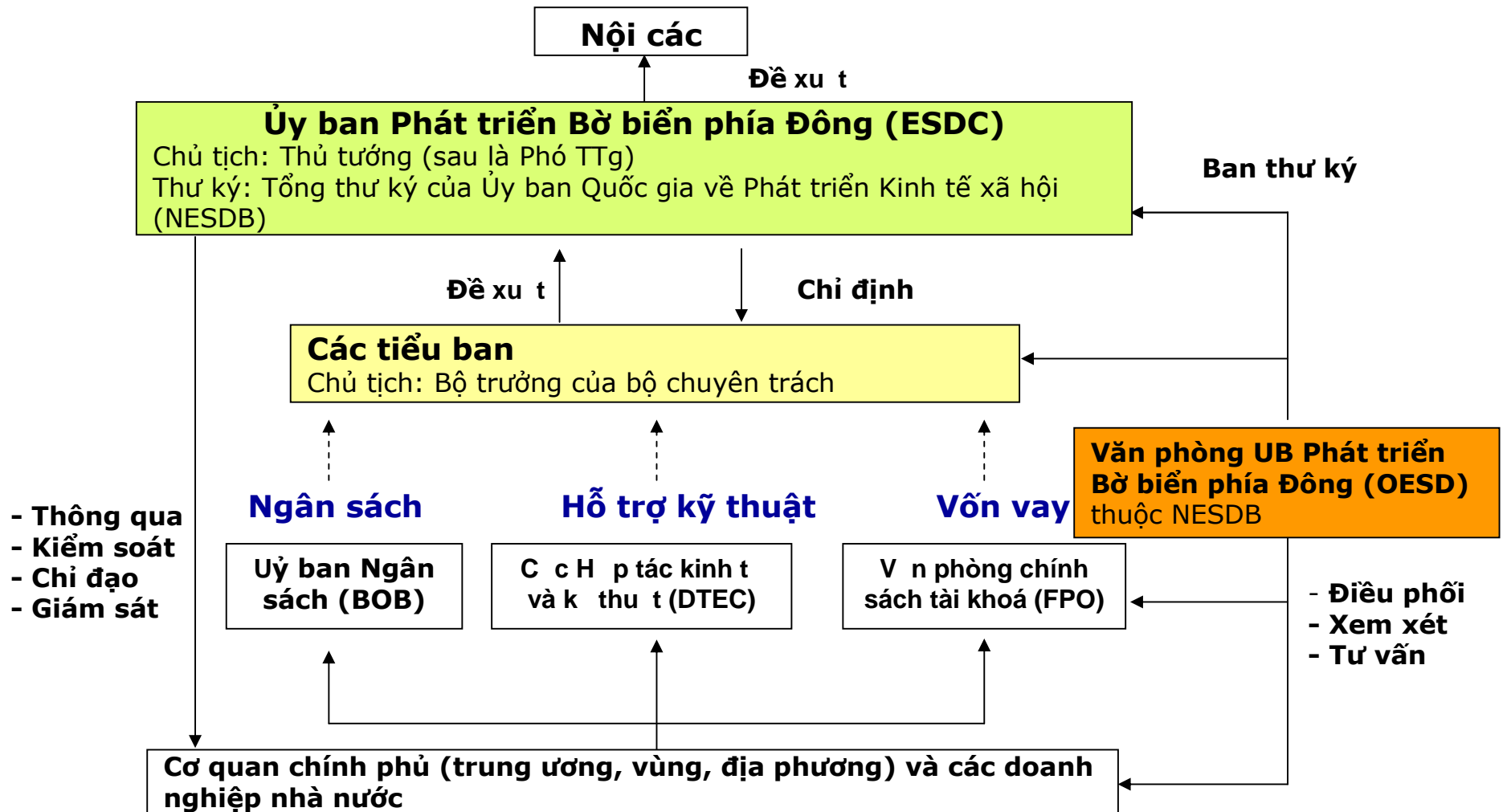
Nghiên c u & Chu n so sánh

Infocomm & H u c n

# Thái Lan 1980s:

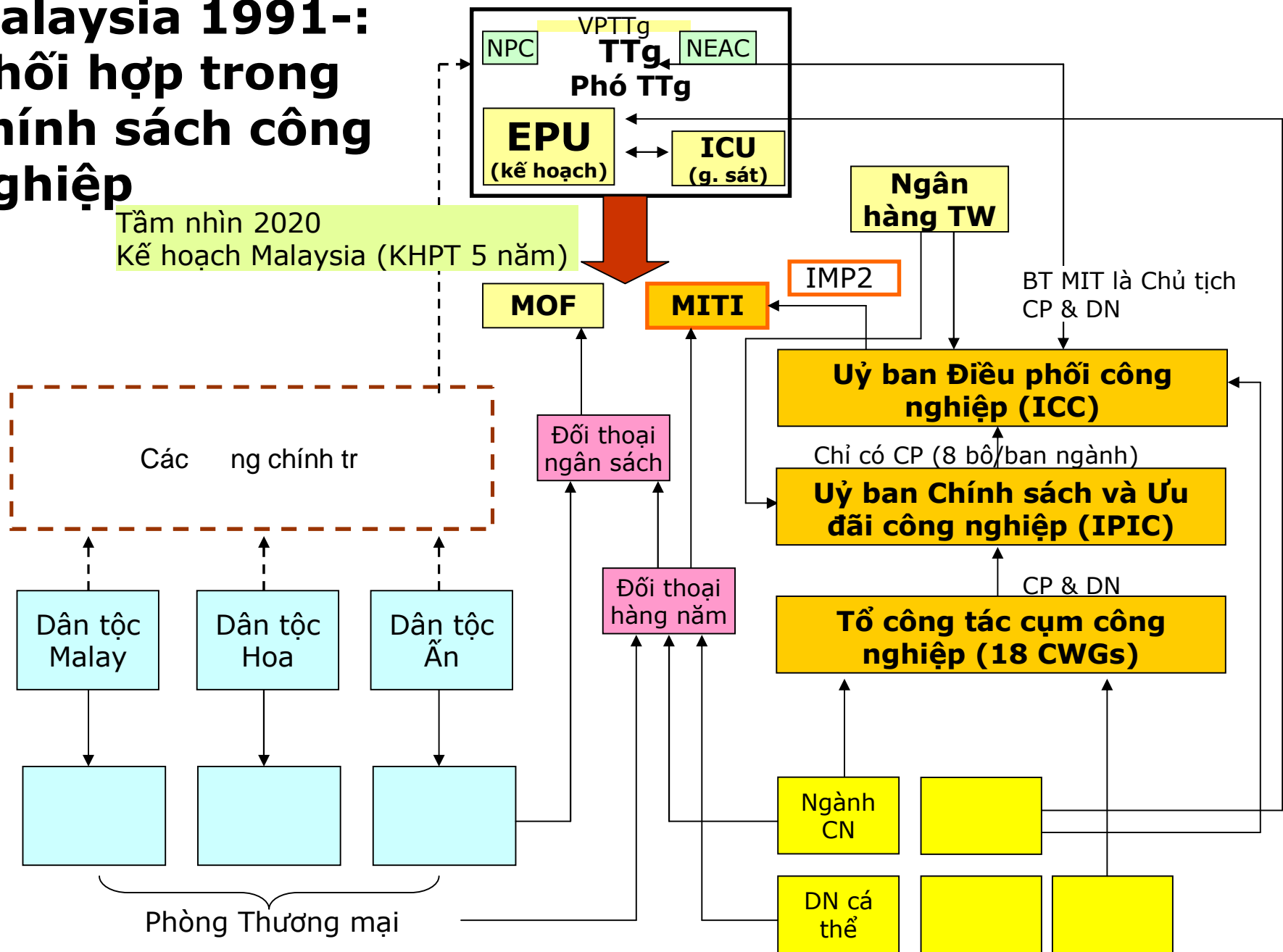
## Phát triển Bên biển phía Đông

(phát triển vùng công nghiệp quy mô lớn)



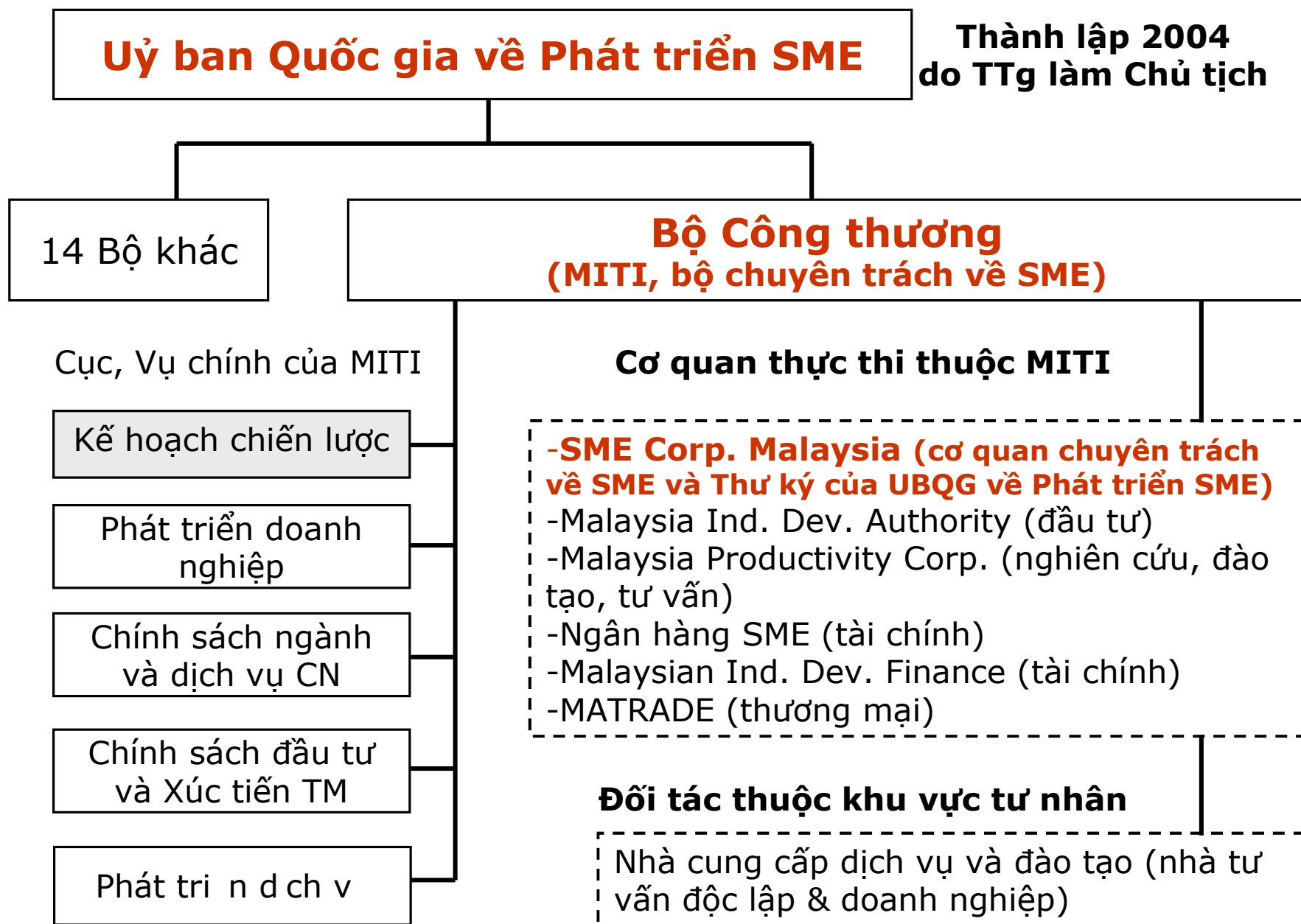
# Malaysia 1991-: Phối hợp trong chính sách công nghiệp

Tầm nhìn 2020  
Kế hoạch Malaysia (KHPT 5 năm)



Nguồn: Phỏng theo Takashi Torii, "Chủ nghĩa Phát triển và Cơ chế thực hiện của Mahathir: Malaysia kết hợp giữa chính sách và BCIC," chương 4, Higashi (2000), trang 166, Hình 2.

# Malaysia ngày nay: UBQG v Phát tri n SME

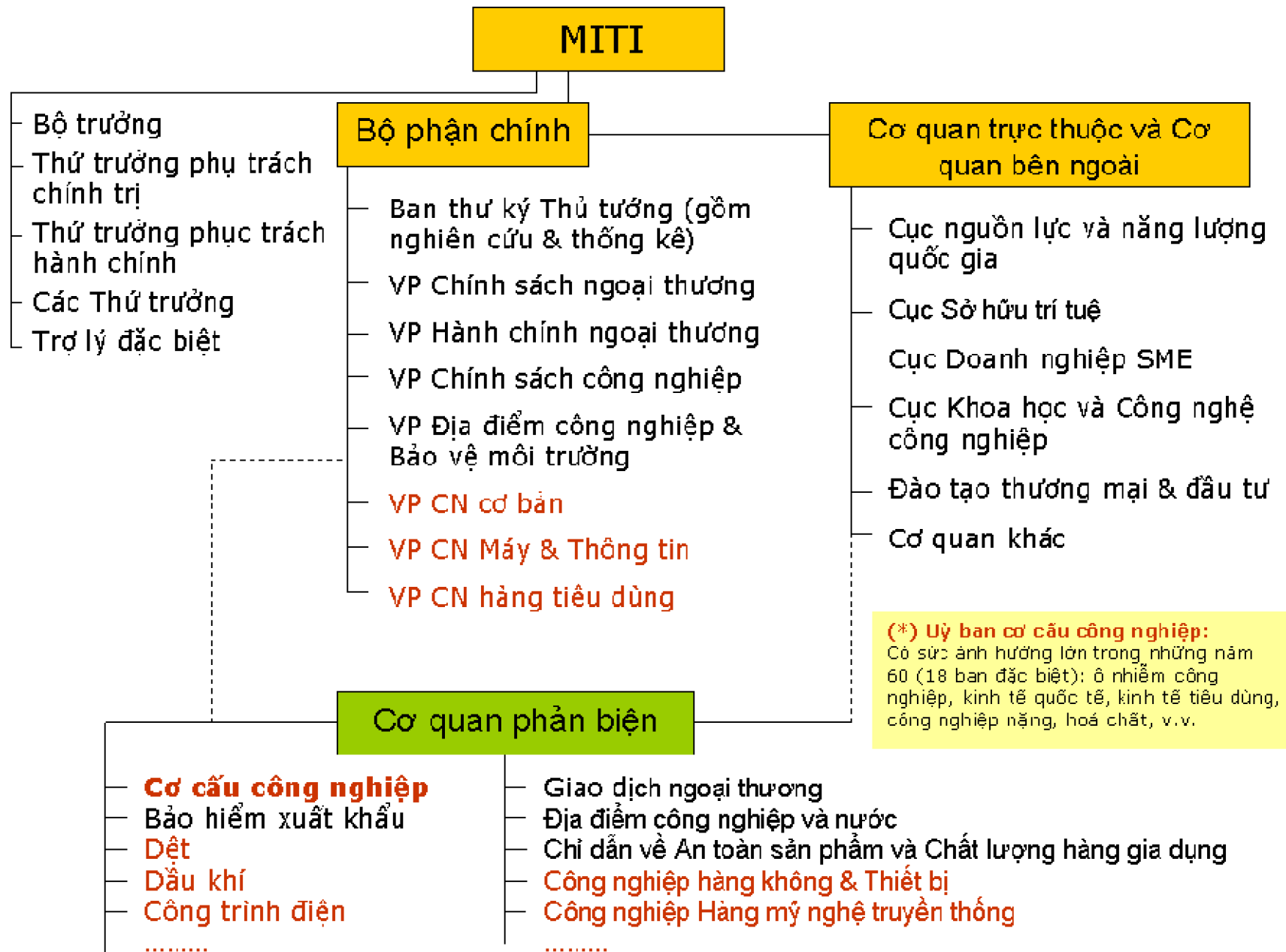


# Ti p c n theo Siêu b

---

- ❑ Một bộ có thẩm quyền lớn về công nghiệp (các ngành công nghiệp, thương mại, công nghệ, đào tạo, tiêu chuẩn, SME, FDI, IPR, phát triển vùng...)
- ❑ Thực hiện nhiều nhiệm vụ: lập kế hoạch, gặp gỡ trao đổi với các chính trị gia, làm việc với các doanh nghiệp và các bên liên quan, đàm phán thương mại, soạn thảo luật và các quy định, giám sát, phổ biến...
- ❑ Cần những cán bộ đầy nhiệt huyết và có năng lực, và mạng lưới thông tin rộng rãi
- ❑ Cách tiếp cận này không đòi hỏi nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn

# Cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương Nhật Bản, 1960s



# Ti p c n theo C quan u m i

---

- ❑ Tổ chức bán chính thức chuyên trách về một ngành/vấn đề do chính phủ lập ra đóng vai trò điều phối chính sách
- ❑ Là tổ chức phi lợi nhuận (NPO) trung lập, cơ quan đầu mối tổ chức và quản lý việc soạn thảo chính sách
- ❑ Cách tiếp cận này đòi hỏi (i) sự tin tưởng sâu sắc giữa các bên liên quan, (ii) năng lực của lãnh đạo và nhân viên của cơ quan đầu mối, và (iii) văn hoá lập chính sách linh hoạt và thực dụng (Bộ Công nghiệp cho phép cơ quan đầu mối xây dựng chính sách)

## Thái Lan: Các cơ quan chuyên trách

Tên	Ngày thành lập	Tổ chức
Viện Năng suất Thái Lan	06/1995	Hình thành từ Vụ xúc tiến công nghiệp của MOI, gồm 20 thành viên HĐQT và 161 nhân viên
Viện Thái – Đức	11/1995	Hợp tác tài chính từ KfW, GDC. Đào tạo kỹ thuật (CNC, CAM/CAD, v.v.), 12 thành viên HĐQT, 79 nhân viên, 5 chuyên gia Đức
Viện Dệt Thái Lan	06/1997	Hình thành từ Vụ xúc tiến công nghiệp của MOI và hiệp hội công nghiệp, 20 thành viên HĐQT, 27 nhân viên.
Viện Thực phẩm Quốc gia (NFI)	10/1996	Hình thành từ Vụ xúc tiến công nghiệp của MOI và hiệp hội công nghiệp, 20 thành viên HĐQT, 27 nhân viên.
Viện Cấp chứng chỉ hệ thống quản lý (MSCI)	03/1999	Hình thành từ Viện Tiêu chuẩn công nghiệp Thái (TISI). 14 thành viên HĐQT, 55 nhân viên.
Viện Ô tô Thái Lan (TAI)	04/1999	Phát triển công nghiệp hỗ trợ. 20 thành viên HĐQT, 28 cán bộ
Viện Điện & Điện tử (EEI)	02/1999	Phát triển công nghiệp hỗ trợ. 29 thành viên HĐQT, 28 cán bộ
Viện Nghiên cứu Mía & Đường	04/1999	Hình thành từ Viện Nghiên cứu Mía và Đường, 13 thành viên HĐQT
Viện Phát triển SME	06/1999	Theo mô hình Đại học SME của Nhật Bản. Điều hành bởi ĐH Thammasat, phối hợp với 8 trường DDH khác. 21 thành viên HĐQT
Viện Sắt & Thép Thái Lan	12/1998 (CP thông qua)	Nhằm xúc tiến marketing chung cho 4 công ty thép (dư cung)

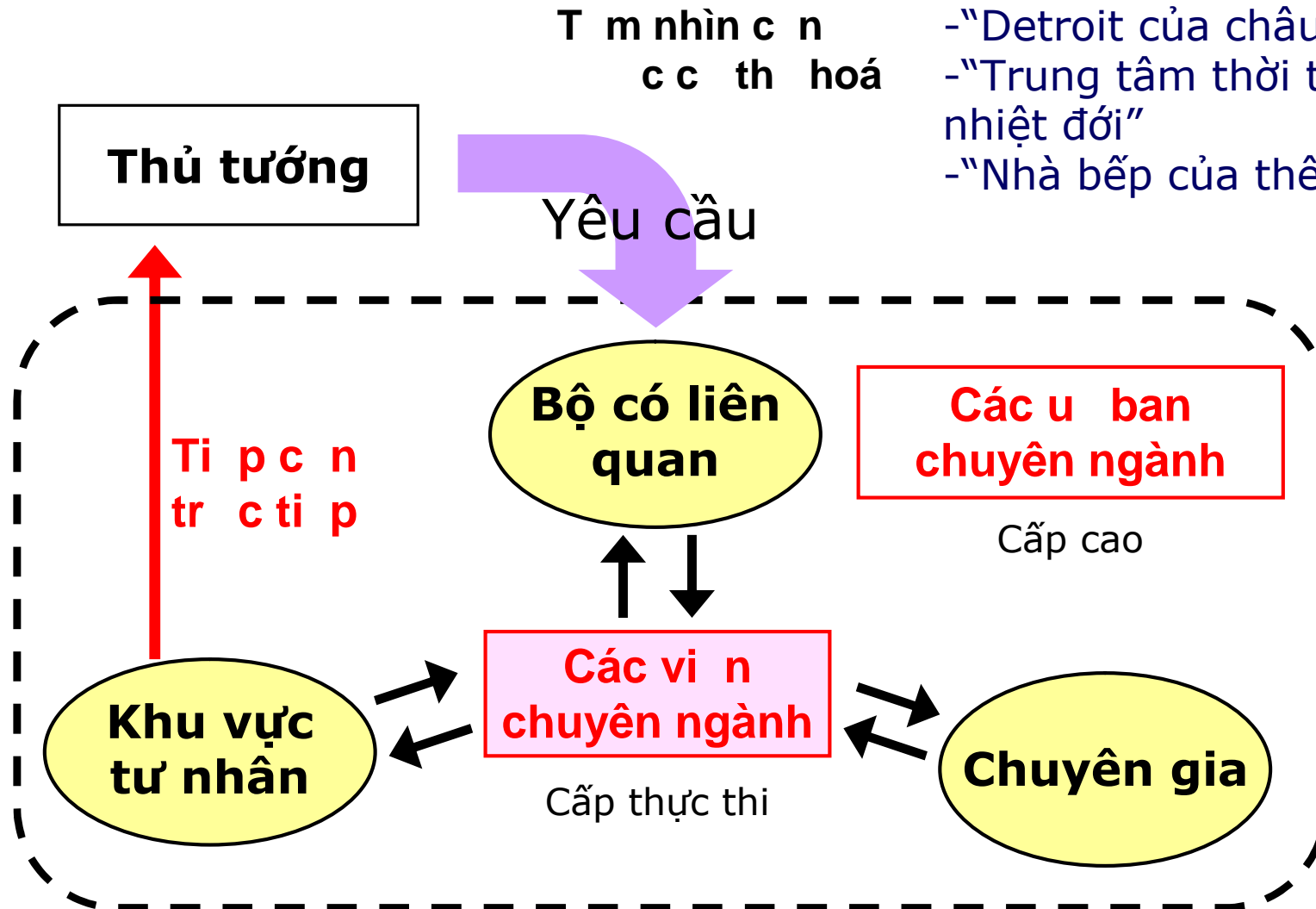
Ghi chú: Các tổ chức này đều tự chủ về tài chính, không được hỗ trợ tài chính chính thức



# Thái Lan: Cơ quan đầu mối liên kết doanh nghiệp, chính phủ và chuyên gia

(Dưới thời chính quyền Thaksin, 2001-2006)

Thái Lan cần trở thành:  
- "Detroit của châu Á"  
- "Trung tâm thời trang nhiệt đới"  
- "Nhà bếp của thế giới"



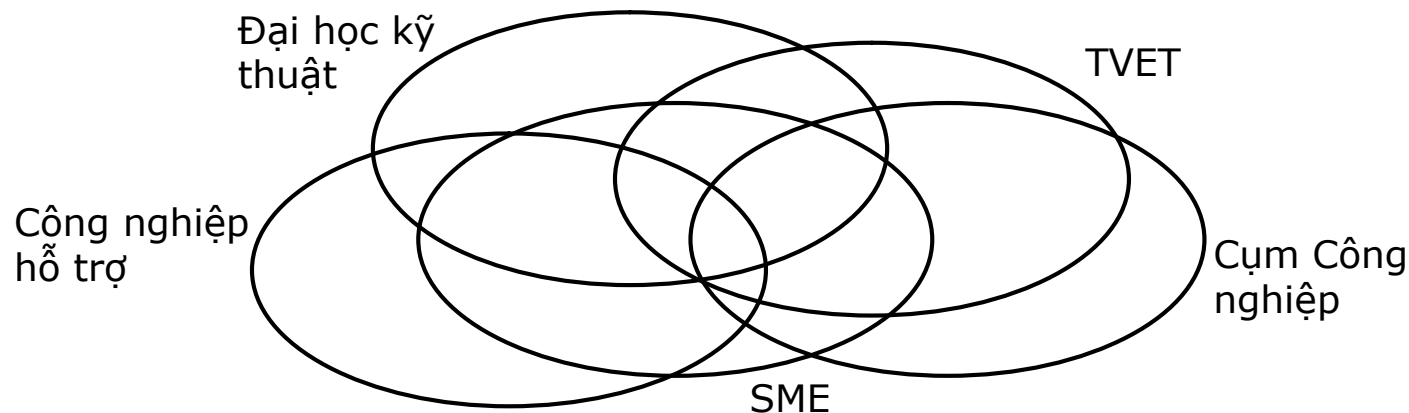
# Những hành động xuất cho Việt Nam

---

1. Xác định một số ít (một vài) chiến lược công nghiệp chủ đạo đến năm 2020
2. Nghiên cứu những ví dụ điển hình trên thế giới về những chiến lược đã đề ra làm nền tảng cho gói chính sách phù hợp với Việt Nam
3. Xây dựng các bước lập và tổ chức chính sách thích hợp để thực thi các chính sách đã lựa chọn
4. Giám sát tiến độ do cấp cao nhất thực hiện

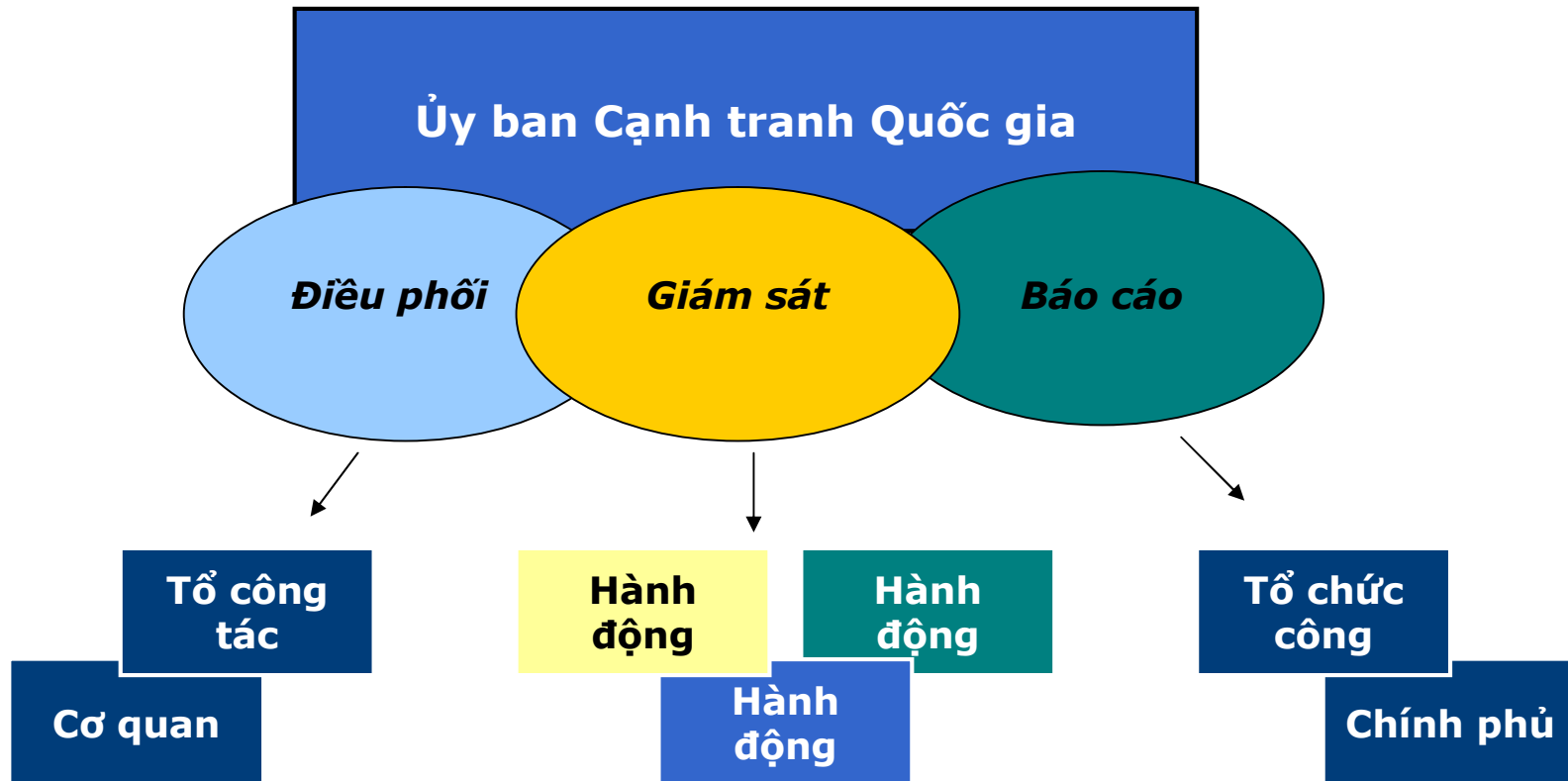
# C n m t s i m tr ng tâm chính sách

- ❑ Quá nhiều ưu tiên cũng có nghĩa là không có ưu tiên. Chỉ nên lựa chọn vài chiến lược để tích cực thực hiện
- ❑ Mỗi chiến lược phải có một bộ/ban ngành chịu trách nhiệm chính, có quy hoạch, ngân sách, nhân sự, giám sát và hợp tác quốc tế
- ❑ Các chiến lược có thể có sự chồng chéo. Cần có sự điều phối ở cấp trên bộ (TTg hoặc Phó TTg)



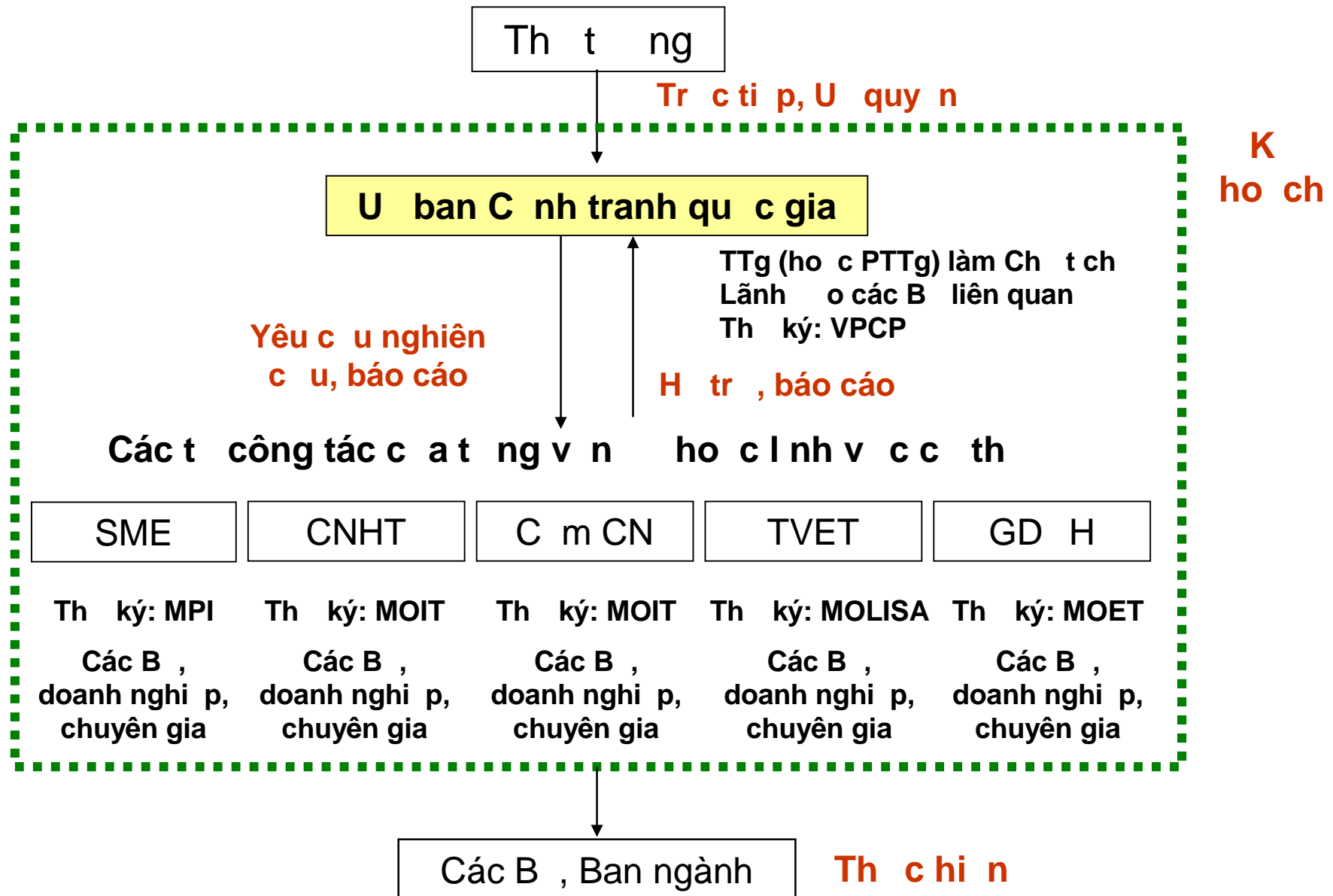
# xu t c a Michael Porter cho Vi t Nam

## Mô hình thực hiện Xây dựng Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia



Nguồn: Trình bày của M. Porter tại Hội thảo công bố Báo cáo Cạnh tranh Việt Nam tại Hà Nội, 11/2010.

# Việt Nam: xu hướng của tôi cho UBCTQG



Ghi chú: Đây là ý tưởng ban đầu của K. Ohno đưa ra để thảo luận; các vấn đề và các Bộ mới chỉ là đề xuất; tất cả đều có thể được bổ sung, xóa bỏ hoặc thay đổi.

## xu t cho UBCTQG (ti p)

---

- Ủy ban họp ba tháng một lần, do TTg (hoặc PTTg) chủ trì
- TTg cần đưa ra những chỉ thị cụ thể và yêu cầu báo cáo, nghiên cứu, và giải pháp cho các vấn đề. TTg cũng cần điều phối giữa các vấn đề và các bộ.
- Thành viên UB là các bộ trưởng, chuyên gia lỗi lạc, và đại diện doanh nghiệp.
- Ban thư ký UB trực thuộc VPCP để hỗ trợ về mặt hành chính
- Các tổ công tác được thành lập theo từng vấn đề và chỉ định bộ chuyên trách. Các tổ phải làm việc thường xuyên với các bên liên quan và báo cáo kết quả tại các buổi họp của UB.

# Tài liệu tham khảo

---

- Ketels, Christian, Nguyen Dinh Cung, Nguyen Thi Tue Anh, and Do Hong Hanh (2010), *Vietnam Competitiveness Report 2010*, Central Institute for Economic Management and Lee Kuan Yew School of Public Policy.
- National Economic Advisory Council (2010), *New Economic Model for Malaysia*, December.
- Ohno, Izumi, and Masumi Shimamura (2007), *Managing the Development Process and Aid: East Asian Experience in Building Central Economic Agencies*, GRIPS Development Forum, March.
- Ohno, Kenichi (2009), "Avoiding the middle-income trap: renovating industrial policy formulation in Vietnam," *ASEAN Economic Bulletin*, 26(1), 25-43.
- Ohno, Kenichi (2011), "Policy Procedure and Organization for Executing High Priority Industrial Strategies," a paper prepared for the NEU-National Assembly Conference on the Quality of Growth, Hanoi, Feb. 24.
- Ohno, Kenichi (forthcoming), *Learning to Industrialize: Catch-up Strategies for Twenty-first Century Latecomers*, Routledge.
- World Bank (2010), "Avoiding the Middle-income Trap: Priorities for Vietnam's Long-term Growth," a paper presented at Senior Policy Seminar, Hanoi, August.